

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Vận tải,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

2. Quy định về trạm dừng nghỉ đường bộ thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý; tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc có liên quan đến kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hành trình chạy xe được xác định bởi bến xe đi, bến xe đến, các tuyến đường bộ, các điểm đón, trả khách, trạm dừng nghỉ (nếu có) mà phương tiện đi qua.

2. Thời gian biểu chạy xe là tổng hợp các thời điểm tương ứng với từng vị trí của xe trên hành trình chạy xe.

3. Biểu đồ chạy xe là tổng hợp hành trình và thời gian biểu chạy xe của các chuyến xe trong một chu kỳ thời gian nhất định.

4. Lịch xe xuất bến là trình tự thời điểm xuất bến của các chuyến xe trong một chu kỳ thời gian tại một bến xe.

5. Điểm đón, trả khách là công trình đường bộ trên hành trình chạy xe dành cho xe ô tô vận chuyển hành khách theo tuyến cố định dừng để hành khách lên, xuống xe theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Điểm dừng xe buýt là công trình đường bộ được thiết kế và công bố cho xe buýt dừng để đón, trả hành khách theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng.

8. Bến xe ô tô hàng (bến xe hàng) là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô vận tải hàng hóa nhận, trả hàng và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hóa.

9. Bãi đỗ xe là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ để đỗ các phương tiện giao thông đường bộ.

10. Dịch vụ trông, giữ xe là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ trông giữ xe và được trả phí.

11. Đại lý vận tải hàng hóa là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân được người kinh doanh vận tải hoặc chủ hàng ủy quyền thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình vận tải.

12. Đại lý bán vé là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân được đơn vị kinh doanh vận tải ủy quyền bán vé cho hành khách.

13. Dịch vụ thu gom hàng là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thực hiện việc thu gom

hàng hóa đến một địa điểm nhất định theo yêu cầu của người kinh doanh vận tải hoặc chủ hàng.

14. Dịch vụ chuyển tải là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để vận chuyển người hoặc hàng hóa trên một chặng của hành trình nhất định.

15. Dịch vụ kho hàng là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân thực hiện việc cho đơn vị kinh doanh vận tải hoặc người có hàng thuê kho thuộc quyền sử dụng của mình để chứa hàng hóa.

16. Dịch vụ cứu hộ vận tải đường bộ là dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, trong đó tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ cứu hộ phương tiện khi phương tiện giao thông đường bộ bị tai nạn hoặc gặp sự cố kỹ thuật trên đường.

17. Đơn vị kinh doanh vận tải là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Chương II **KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

Mục 1 **YÊU CẦU CHUNG**

Điều 4. Quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải

1. Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với những loại hình kinh doanh yêu cầu phải có giấy phép. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này, Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

2. Có và thực hiện đúng phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đã đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

3. Bảo đảm có số ngày xe tốt tối thiểu bằng 110% số ngày xe vận doanh theo phương án kinh doanh (chỉ áp dụng với vận tải hành khách tuyến cố định và vận tải hành khách bằng xe buýt).

Điều 5. Bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông

Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô vận chuyển công-ten-nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Lập và thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này; thống kê, phân

tích tai nạn giao thông, tổ chức rút kinh nghiệm trong đội ngũ lái xe và cán bộ quản lý của đơn vị.

2. Kiểm tra đảm bảo các điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước khi xe tham gia hoạt động; đôn đốc, theo dõi, giám sát việc thực hiện chế độ kiểm định kỹ thuật và bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ phương tiện.

3. Quản lý, sử dụng thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phục vụ cho hoạt động của đơn vị và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu những thông tin bắt buộc theo từng xe ô tô.

4. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

Điều 6. Lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe

1. Đơn vị kinh doanh vận tải chịu trách nhiệm:

a) Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên các phương tiện của đơn vị theo quy định;

b) Duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, đảm bảo truyền dẫn đầy đủ, liên tục các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình về đơn vị trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh vận tải của phương tiện thuộc đơn vị quản lý và cung cấp theo đúng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Phải cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào phần mềm quản lý, theo dõi những thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện thuộc diện phải gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Cập nhật, lưu trữ có hệ thống các thông tin bắt buộc tối thiểu 01 (một) năm;

đ) Trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải không trực tiếp thực hiện các quy định tại điểm b và điểm d khoản này thì được ký hợp đồng ủy thác cho một đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý thông tin của thiết bị giám sát hành trình thực hiện. Bản sao chứng thực của hợp đồng ủy thác phải được gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh vận tải. Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý thông tin phải thực hiện đúng các quy định tại điểm b, điểm d khoản này và không được cung cấp thông tin từ thiết bị giám sát hành trình cho bất kỳ bên thứ ba nào ngoài cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm bảo mật những thông tin từ thiết bị giám sát hành trình do đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp.

Điều 7. Đăng ký chất lượng dịch vụ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi phải đăng ký chất lượng về dịch vụ vận tải. Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

2. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải gồm:

a) Đối với phương tiện vận tải gồm: nhãn hiệu xe; sức chứa (số ghế hoặc số giường nằm; số chỗ đứng trên xe buýt); tiêu chuẩn khí thải; giới hạn tuổi xe; trang thiết bị phục vụ hành khách trên xe; chế độ bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ; chế độ kiểm tra điều kiện kỹ thuật, an toàn và vệ sinh phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động;

b) Đối với lái xe và nhân viên phục vụ: thái độ phục vụ, hạng giấy phép lái xe, tuổi, thâm niên lái xe theo hạng, chế độ đào tạo, tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải hành khách;

c) Quyền lợi của hành khách: có ghế ngồi riêng, có chỗ đứng (đối với xe buýt), số lượng hành lý miễn cước (không áp dụng đối với xe taxi), chế độ bảo hiểm, số điện thoại đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải;

d) Dịch vụ cung cấp cho hành khách;

đ) Quy trình tiếp nhận và xử lý, giải quyết các thông tin phản ánh, kiến nghị của hành khách và cơ quan thông tin đại chúng.

3. Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải được gửi đến Sở Giao thông vận tải cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc niêm yết và thực hiện các nội dung chất lượng dịch vụ vận tải mà đơn vị đã đăng ký.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định khi đăng ký mở tuyến mới hoặc đăng ký tham gia khai thác tuyến phải đăng ký bổ sung chất lượng dịch vụ trên tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.

Mục 2**KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ
THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH****Điều 8. Tiêu chí thiết lập tuyến**

1. Có hệ thống đường bộ được công bố khai thác trên toàn bộ hành trình.

2. Có bến xe nơi đi, bến xe nơi đến đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố đưa vào khai thác và đủ điều kiện tiếp nhận.